

LỐI SỐNG CỦA CƯ DÂN VỊNH CHÀI VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN TỚI DI SẢN VĂN HOÁ VÀ THIÊN NHIÊN

PG.S.TS. NGUYỄN DUY THIỆU*

TÓM TẮT

Thực tế dân thủy cư hiện có hàng vạn người, họ sống trên các bè, mảng có mái, ít di chuyển. Thuyền có mũi vừa là công cụ sản xuất, vừa là nơi ở. Tùy theo thiên nhiên, khí hậu và văn hoá vùng mà có những dạng thuyền tương ứng với tên gọi khác nhau. Phương thức sống này cản trở nhiều trong sự tiến bộ chung của xã hội, nhiều tai nạn, khó khăn..., đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của một chương trình quốc gia.

Từ khóa: lối sống, vịnh chài, nhà thuyền, nhà bè.

ABSTRACT

Currently fishing float villages have tens thousands of people. They are living in a float with roof, and rarely moving. The boat is both production tool and house. Depending on climate and culture, there are different types of boats with different names. This mode of living causes many difficulties to keep up with the development of society. It is needed to have support from a national program.

Key words: estyle, fishing village, floating house.

C

ho tới nay, ở nước ta, vẫn còn khá nhiều nhóm cư dân thủy cư, sinh sống trên khắp mọi miền sông nước. Tại miền Trung, nhất là ở Thừa Thiên Huế, người địa phương vẫn gọi thuyền là đò. Các cư dân sống trên thuyền tập hợp thành từng vịnh thì được gọi là cư dân vịnh đò. Cũng là cư dân thủy cư nhưng ở vùng Phú Yên, Khánh Hoà họ bị gọi là người Hạ (hoặc Hẹ), các nhóm thủy cư từ Quảng Bình đến Thanh Hoá được gọi là người Bồ Lô, còn tại Bắc Bộ thì cư dân thủy cư được gọi là cư dân vịnh chài... Có thể nói, các cộng đồng thủy cư này có mặt rải rác khắp mọi miền sông nước. Thống kê hiện nay, không cung cấp được cho chúng ta thông tin, ở Việt Nam có bao nhiêu vịnh chài. Nhưng, có thể ước lượng, cộng đồng này có hàng vạn người, cư trú rải rác trên khắp mọi miền sông, hồ, ven biển... Họ phân bố tập trung tại một số vùng/miền, như vịnh Bắc Bộ, trên sông Hương và trên đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế, dọc theo ven biển miền Trung...

Thích nghi cùng điều kiện môi trường sông nước trong cả một quá trình lâu dài, ở các cộng đồng cư dân này, đã hình thành những nếp

sống/văn hóa rất đặc thù. Trong công cuộc phát triển ngày nay, các dạng thức văn hóa này đang đặt ra cho chúng ta rất nhiều vấn đề. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập tới vấn đề loại hình cư trú của họ và những tác động của chúng tới môi trường.

1. Từ nhà thuyền đến nhà bè

1.1. Nhà thuyền: mỗi hộ cư dân thủy cư thường cư trú trong một con thuyền. Ngoài chức năng của một ngôi "nhà", trước hết, con thuyền là một công cụ sản xuất của ngư dân. Thuyền giúp cho con người di chuyển trên mặt nước. Sử dụng thuyền vào mục đích đánh bắt cá, con người có thể mạnh trên hai phương diện: di chuyển nhanh để vây bủa những loại cá có tốc độ bơi nhanh và đặc biệt là đi biển xa. Để đi biển, thuyền phải được cấu tạo thích hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng biển cụ thể. Ví dụ, vùng biển vịnh Bắc Bộ (tính từ Hà Tĩnh trở ra) lắm bão tố, do đó, ngư dân phải đóng thuyền có lòng rộng và nông, mạn thuyền thấp. Với cấu tạo như vậy thì hạn chế được sự lật thuyền mỗi khi gặp bão. Nhược điểm của loại thuyền này là diện tích vỏ thuyền tiếp xúc với nước lớn, nên lực cản của nước làm cho tốc độ di chuyển của thuyền bị hạn chế. Vùng biển từ Nam Trung Bộ trở vào ít bão tố hơn,

* Phó Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam

nên ngư dân đóng thuyền hẹp lòng, mạn thuyền cao hơn. Theo cách cấu tạo ấy, diện tích của vỏ thuyền tiếp xúc với nước ít hơn, nhờ vậy mà thuyền di chuyển nhanh hơn. Nhược điểm của loại thuyền này là khi gặp bão tố thì hay bị lật. Có thể nói, muốn đánh bắt cá có hiệu quả mà trước tiên là muốn an toàn cho con người thì về mặt kỹ thuật, thuyền phải được thiết kế phù hợp với điều kiện thiên nhiên của từng vùng biển cụ thể. Ai không tuân thủ nguyên tắc này thì có khi phải trả giá bằng chính mạng sống của mình. Ví dụ, ngư dân Quảng Ninh kể rằng, thuyền của người Sín, người Đản (từ vùng biển Quảng Đông tới) có cấu tạo kiểu hình tam giác (phần mũi nhọn và phần phía lái rất rộng), nên khi gặp bão tố thuyền thường xoay tròn tại chỗ, không thể nào vượt lên được để tìm nơi ẩn nấp. Bởi thế, khi gặp bão tố, loại thuyền này thường bị lật. Ngư dân Quảng Ninh còn nhớ cơn tố vào khoảng 9 - 10 giờ tối, ngày mồng Một tháng Ba năm Giáp Dần (1974), có kèm theo mưa đá, làm cho rất nhiều người Sín, người Đản gặp nạn, trong đó có một đám cưới tại vùng đảo xã Thăng Lợi, cả hai họ bị bão nhấn chìm.

Đối với bộ phận ngư dân cư trú trên đất liền chỉ sử dụng thuyền đi đánh cá thôi, thì họ cũng đã rất chú ý đến sự an toàn của con thuyền, còn đối với các bộ phận thủy cư, thuyền không chỉ là một phương tiện để đánh cá, mà còn là nơi ở cho cả nhà, nếu có rủi ro thì cả nhà chết sạch, nên họ càng chú ý hơn tới sự an toàn của con thuyền.

Như đã nói, con thuyền đồng thời là ngôi nhà của dân thủy cư, nên nó được thiết kế phù hợp để cho cả nhà sinh sống. Nhìn chung, các loại nhà thuyền đều hao hao như nhau. Ví dụ, loại thuyền 3 buồm của người Bồ Lô ở vùng biển từ Quảng Bình tới Thanh Hoá có độ dài 28 thước 4 tấc (4 thước = 1m); độ rộng nhất của con thuyền (tại thoen mở) là 6,8 thước. Con thuyền được chia thành 7 khoang, mỗi khoang có chức năng và tên gọi riêng. Trong đó có 5 khoang: khoang kiệc mũi, khoang mũi, khoang lòng, khoang quạ và khoang kiệc là những khoang dùng để chứa cá khi đánh bắt được; còn 2 khoang giữa lòng thuyền là nơi sinh hoạt của gia đình: trong đó, khoang nhà là nơi để ngủ, phía dưới sạp ngủ chứa công cụ đánh cá (câu và lưới), và khoang giữa là “phòng” bếp (khoang bếp cũng có thể làm nơi ngủ, nhất là phụ nữ và trẻ em). Khoang nhà được kiến trúc phù hợp để che mưa, tránh nắng, chống gió rét...

Thông thường, nhà thuyền ở trong sông thì mai thuyền làm tạm bợ bằng phên, còn cư dân đi biển thì mai thuyền được làm thấp (tránh bão tố) và rất chắc chắn. Khung thuyền và vỏ thuyền thường được đóng bằng gỗ săng lẹ, một loại gỗ khi xuống nước có sức nổi lớn và rất bền. Loại gỗ này có nhiều tại các khu rừng ở miền Trung, nhất là rừng ở Hà Tĩnh. Bởi thế, trước đây, dân thủy cư tại khu vực vịnh Hạ Long thường vào miền Trung sắm thuyền. Dù chật hẹp nhưng trong khoang nhà bao giờ gia chủ cũng sắp xếp bàn thờ vừa để thờ tổ tiên vừa để thờ các vị Thánh phù hộ, độ trì cho ngư dân. Có thể nói, trong truyền thống, thuyền được đóng thủ công, chạy bằng buồm hoặc chèo tay, nên thuyền thường bé, khoang ở rất thấp, cách thức cư trú này đã góp phần quy định một số tập quán của cư dân vạn chài. Xưa kia, mỗi gia đình thường chỉ có một con thuyền, nên cả nhà thường du canh du cư trên biển, cả trong lộng lẫn ngoài khơi, thách thức với hoàn cảnh nhiều khi rất khốc liệt của thiên nhiên. Thời gian gần đây, đặc biệt là đối với những gia đình khá giả, mỗi hộ đã sắm 2 hoặc 3 con thuyền: một thuyền để làm nhà ở; một thuyền để đi đánh cá ngoài biển khơi và một con thuyền nhỏ để tiện di chuyển cho sinh hoạt trong bán kính gần. Xu thế tách thuyền đi đánh cá khỏi thuyền làm nhà ở phát triển mạnh trong thập kỷ gần đây, khi mà một bộ phận lớn cư dân thủy cư đã chuyển từ nhà thuyền lên nhà bè.

1.2. Nhà bè: thuyền được đóng bằng gỗ, bằng ván, còn bè được làm từ các loại tre, bương, vầu... Phân loại theo chức năng, chí ít cũng có hai loại bè: một loại bè là công cụ sản xuất và một loại bè là “nhà bè” để ở.

Bè để làm công cụ di chuyển như thuyền vốn đã có từ rất lâu đời và phổ biến ở nhiều nơi. Hiện tại, nó vẫn được nhiều ngư dân sử dụng, nhất là tại vùng biển Thanh Hoá. Ưu điểm của bè là rất nhẹ, khi không sử dụng, ngư dân có thể dễ dàng khiêng bè lên bờ cát để bảo quản, vốn đầu tư thấp và rất an toàn: hiếm có chuyện lật bè. Cũng như thuyền, bè di chuyển bằng sức đẩy của gió (buồm) hoặc bằng chèo tay. Nhược điểm của bè là di chuyển chậm, nên chúng chỉ được sử dụng để đánh bắt cá gần bờ, đi về trong ngày. Ngư dân chỉ rải lưới cố định đợi cá di chuyển dính vào, rồi vớt lưới lên, gỡ cá. Không thể sử dụng bè (như thuyền) để vây bủa các đàn cá có tốc độ di chuyển nhanh, bởi thế, năng suất đánh cá bằng bè (so với thuyền) là rất thấp.

Loại bè mà chúng ta đang bàn là loại được ngư dân sử dụng như nhà thuyền để ở. Loại này xuất hiện cùng với quá trình nuôi cá bè trên sông, phát triển trong vài thập kỷ gần đây. Tại các vùng biển, nhà bè xuất hiện muộn hơn. Ví dụ, ở vùng vịnh Hạ Long, việc chuyển từ đánh bắt cá ngoài biển sang nuôi lồng bè mới xuất hiện từ 1994 trở lại đây. Cùng với quá trình chuyển đổi phương thức kiếm sống này, phần lớn ngư dân thủy cư cũng chuyển từ tập quán cư trú trên nhà thuyền đến cư trú trên nhà bè. Không giống như bè đánh cá, nhà bè phải đảm bảo được 2 chức năng: thứ nhất là "lồng" để nuôi cá và là nhà để ở. Loại bè này có thể kéo được từ nơi này tới nơi khác, nhưng cơ bản là được neo "định cư" lâu dài tại những địa điểm cố định, nên, so với nhà thuyền thì nó to, rộng hơn nhiều. Thông thường, nhà bè được thiết kế theo hình chữ nhật, chiều rộng từ 4m đến 5m, chiều dài từ 9m đến 10m. Phần chìm dưới nước là "lồng" được làm bằng tre, phía trên là ngôi nhà bằng tre, gỗ hoặc các loại vật liệu nhẹ khác. Nhà được chia thành nhiều phòng, mỗi phòng có chức năng riêng. Khác với chiếc bè tự nổi do chính những cây vầu kết thành, nhà bè nổi nhờ một hệ thống phao nâng (phao có thể là những khối xốp, những thùng nhựa lớn...). Nhà bè được cố định bằng neo. Mặc dù ít nhiều vẫn chòng chành, nhưng so với nhà thuyền thì nhà bè rộng rãi, thoải mái và cân bằng hơn. Nhìn chung, việc nuôi cá "lồng bè" làm cho ngư dân có cuộc sống ổn định hơn. Các hộ gia đình chỉ còn việc đi đánh cá bé để làm thức ăn cho cá nuôi trong lồng. Hơn thế, năng suất nuôi trồng thường ổn định hơn việc đánh bắt tự nhiên, nên đời sống ngư dân so với trước đây được cải thiện rõ rệt. Nhờ vào việc "định cư, định canh" này mà cộng đồng ngư dân thủy cư bắt đầu có điều kiện để cho con em học hành, được săn sóc sức khỏe, đời sống văn hoá xã hội nói chung bước đầu được cải thiện. Có thể nói không quá đáng rằng, nhà bè theo một nghĩa nào đó đã "giải phóng" cho cư dân vịnh chài sống trong thuyền trước đây. Do sống lâu đời trong nhà thuyền thấp trắn và chật hẹp, mà dân thủy cư có nếp sống được mô tả: "lưng còng, cổ rụt, đi như chạy, khi đi chúm đầu về phía trước, nói như chim hót...". Sống trong nhà bè, các "khuyết tật" như vừa nói sẽ dần dần được loại bỏ.

2. Những vấn nạn mà các cư dân ở nhà thuyền, nhà bè đang phải đối mặt

2.1. Như vừa trình bày, so với nhà thuyền, thì nhà bè đem lại cho dân chài nhiều thuận lợi hơn,

nhưng yếu điểm đầu tiên của nhà bè là giá thành quá cao so với thu nhập của dân chài mà tuổi thọ lại ngắn. Theo thời giá hiện nay, tại khu vực vịnh Hạ Long, muốn làm được một ngôi nhà bè loại trung bình, phải tiêu tốn khoảng 20 triệu đồng. Đây là số tiền quá lớn so với nguồn thu nhập của đa số dân chài. Bởi vậy, không phải bất kỳ hộ ngư dân nào cũng đủ vốn để sắm nhà bè. Ví dụ, tại làng chài Cửa Vạn, thuộc xã Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, do nằm trong khu di sản thiên nhiên thế giới, có một ý nghĩa lớn để phát triển du lịch, được nhà nước và các tổ chức quốc tế hỗ trợ, mà trong 127 hộ, chỉ có 91 nóc nhà bè, số còn lại vẫn phải cư trú trong nhà thuyền chật hẹp.

2.2. Có thể nói, tai nạn luôn luôn rình rập đối với người dân chài. Như đã nói, dân chài Hạ Long còn kinh hoàng khi nhớ lại vụ tai nạn do cơn tố khoảng 9 - 10 giờ tối, ngày mồng Một tháng Ba năm Giáp Dần (1974), có kèm theo mưa đá, đã làm hàng trăm ngư dân bị chết, trong đó có một đám cưới tại vùng đảo xã Thắng Lợi - cả hai họ bị bão nhấn chìm. Ngư dân thủy cư trên đằm phá Tam Giang - Cầu Hai, Thừa Thiên Huế vẫn không thể nào quên trận bão lũ vào năm 1985, đã cướp đi rất nhiều sinh mạng những người thân. Đối với dân chài, không năm nào là không mất mát về tính mạng do thiên tai gây ra. Đây là chuyện khi xưa ở nhà thuyền, còn nay ở nhà bè thì sao? Dân ở nhà bè tại vịnh Hạ Long kể rằng: cách làng chài Cửa Vạn khoảng 1km có một cái hang lớn, gọi là Hang Cỏ, tại đó nước sâu tới hàng trăm mét, trên có hang đá che kín, khi gặp bão tố dân chài thường đưa thuyền vào đây để tránh bão. Hang này có thể đậu được khoảng trăm con thuyền. Nhưng, ngày nay, họ ở nhà bè, nếu có bão cũng không thể nào đưa bè vào hang mà trốn được. Quy chế bảo tồn vịnh Hạ Long lại không cho phép dân chài được cắm cọc bê tông để neo bè, cả chiếc bè lớn như hiện nay cũng chỉ được neo bằng các loại neo sắt thông thường, nếu bão lớn làm trượt neo thì không biết bè và sinh mạng của những người trên bè sẽ ra sao?

Trước đây, dân chài sống rải rác, nên khi gặp bão, nếu không kịp đưa thuyền vào hang để trốn thì họ "sơ tán" người già trẻ em lên các hang trên đảo, còn bây giờ, để bảo tồn vịnh Hạ Long, để phục vụ du lịch, dân chài buộc phải gom lại cư trú tập trung theo các thôn nhất định. Với số lượng thuyền, bè, cư dân lớn tập trung như vậy, khi gặp bão thì người già trẻ em biết sơ tán đi đâu? Có thể nói, dân

nhà bè luôn sống trong lo âu thấp thỏm về mạng sống của mình. Bản thân họ chưa có phương cách nào để tự cứu mình.

2.3. Trước đây, dân vạn chài sống phân tán “du cư” theo các nhóm nhỏ. Bởi khả năng di chuyển nhanh và tương đối cơ động của những “ngôi” nhà thuyền mà dân chài có khả năng tự dịch vụ: họ có thể ghé vào mọi nơi để bán và mua các thứ cần thiết cho cuộc sống. Ngày nay, một bộ phận lớn dân chài đã được tập trung theo các cộng đồng đông đúc sống “định cư” trên những ngôi nhà bè. Bởi vậy, để cung cấp các thứ thiết yếu cho dân làng chài, việc dịch vụ phải được thực hiện một cách có tổ chức. Cộng đồng làng chài có thể tự điều chỉnh các dịch vụ trao đổi mua bán các đồ dùng, vật phẩm thiết yếu đối với cuộc sống của họ. Nhưng, đối với một số loại dịch vụ, trong điều kiện hiện tại, các cộng đồng ngư dân chưa thể tự đảm đương được, mà cần phải có sự hỗ trợ từ nhà nước, từ bên ngoài. Dịch vụ giáo dục chẳng hạn, tại một số khu làng chài tập trung đã có trường nôi, nhờ vậy mà con em làng chài đã có cơ hội để đến trường. Tuy nhiên, dù cố gắng đến mấy thì “nền giáo dục” tại khu vực làng chài mới dừng lại ở trình độ lớp 5. Từ lớp 6 trở đi, muốn học tiếp phải vào bờ trọ học - một điều kiện quá khó khăn và chưa hề có trong tập quán của dân chài.

Các dịch vụ khác về săn sóc sức khỏe cộng đồng, về đảm bảo đời sống văn hoá... cho cư dân làng chài chưa có gì. Với sự nỗ lực của các chính quyền địa phương và sự hỗ trợ tài chính của một số quỹ tài trợ quốc tế, thì tại một số huyện có dân vạn chài cũng mới chỉ đóng được một con “thuyền đa chức năng” và dù có cố gắng đến mấy thì các huyện này cũng mới chỉ đủ khả năng tài chính để sử dụng con thuyền đó đi khám bệnh và phục vụ “văn hoá” cho cư dân thủy cư được từ 1 đến 2 lần mỗi năm... Bởi vậy, xem ra khoảng cách về phát triển giữa người trên bờ và người dưới biển còn lớn và còn lâu dài mới mong thu hẹp được.

2.4. Tại các vùng sông biển ở nước ta, cho đến nay, ước tính còn hàng vạn cư dân thủy cư. Tất cả mọi chất thải từ sinh hoạt đều đổ trực tiếp xuống sông, xuống biển. Điều này đang góp phần làm tăng ô nhiễm môi trường sông nước, gây tác hại đến sức khỏe của nguồn lợi thủy hải sản, tác hại đến sức khỏe không chỉ của cư dân vạn chài, làm mất mỹ quan các khu du lịch sinh thái biển..., và, cho tới nay, chưa có cách thức gì để hạn chế vấn nạn này...

3. Cần phải làm gì để hỗ trợ dân làng chài ?

Có thể nói, còn nhiều vấn nạn khác mà cư dân vạn chài đang phải đối mặt, tự bản thân họ không thể giải quyết được các vấn đề. Thực ra, Nhà nước đã từng có nhiều chương trình hỗ trợ dân chài: vận động dân chài lên bờ định cư, cấp đất cho họ, trợ cấp vốn để mua sắm công cụ sản xuất..., nhưng xem ra hiệu quả từ các chương trình đã thực hiện chưa giải quyết được các vấn đề cơ bản trong thực tế. Vấn đề là chúng ta cần phải làm gì để hỗ trợ họ?

Tại sao chúng ta đã có rất nhiều dự án lớn nhằm quy hoạch các khu vực đô thị, nông thôn, miền núi..., mà chúng ta lại chưa quan tâm tới cộng đồng cư dân vạn chài với số lượng lớn và đang cư trú trong một loại hình môi trường có tính nhạy cảm cao: môi trường sông nước, môi trường biển?

Tại những điểm nào thì cư dân thủy cư được định cư trên sông trên biển; quy mô một vạn chài như thế nào cho phù hợp với các điều kiện kinh tế-xã hội trong sự hài hoà với môi trường; các vấn đề điện, đường, trường, trạm... cho các làng chài phải giải quyết như thế nào; quy mô nhà thuyền, nhà bè như thế nào là đảm bảo yêu cầu tối thiểu để cư dân vạn chài tồn tại, phát triển mà không làm ô nhiễm môi trường, không làm mất mỹ quan tại các thắng cảnh thiên nhiên đã được quốc tế vinh danh...?

Tại sao các dự án hỗ trợ dân chài lại không đầu tư sản xuất các loại nguyên liệu để họ làm nhà bè như: phao nổi, bè cá, nguyên liệu làm nhà... mà để dân chài phải tự phát gom nhặt các loại nguyên vật liệu không bền trong môi trường sông biển, đặc biệt là chúng làm mất mỹ quan tại các thắng cảnh, các khu du lịch trên biển và làm ô nhiễm môi trường sông, biển...?

Có thể nói, để hỗ trợ cho dân chài sống hài hoà với môi trường sông nước còn nhiều vấn đề cần được đặt ra. Và, muốn được giải quyết có hiệu quả cần đặt nó trong khuôn khổ của một chương trình quốc gia.

Cuối cùng, có thể nói rằng, sự hiểu biết nói chung hiện nay của chúng ta về cộng đồng ngư dân thủy cư còn quá nghèo nàn, việc nâng cao sự hiểu biết về cư dân vạn đồ vì mục đích phát triển bền vững đang là một nhu cầu cấp thiết hiện nay./.

N.D.T

(Ngày nhận bài: 21/10/2014; Ngày phản biện đánh giá: 11/11/2014; Ngày duyệt đăng bài: 25/11/2014).